TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HN-ST
Ngày: 18 - 3 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quãng Ngọc N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, đường B, Phường M1, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà N, đường V, phường M3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Quãng Ngọc N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Tuấn Đ đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 30/6/2014, tại Ủy ban nhân dân Phường M1, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, không

hòa hợp nhau. Bà N yêu cầu ly hôn ông Đ. Con chung: Không có. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có. Bà N có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tại Đơn yêu cầu đề ngày 14/02/2019, ông Nguyễn Tuấn Đ trình bày:

Ông Đ đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn đều có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N là người có quyền khởi kiện ông Đ tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bà N, ông Đ cùng có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 207, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do cuộc sống chung xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, không hòa hợp, yêu cầu ly hôn ông Đ. Ông Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà N, ông Đ không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hôn nhân của bà N, ông Đ đã không còn sự tự nguyện của bà N. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn ông Đ. Các vấn đề khác như: Con chung thì không có; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Án phí: Buộc bà N nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số No 0004304 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên bà N không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186, 207, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quãng Ngọc N.

Bà Quãng Ngọc N và ông Nguyễn Tuấn Đ ly hôn với nhau.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Quãng Ngọc N nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004304 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên bà Quãng Ngọc N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- UBND Phường 11, Quận 10, TPHCM: 1;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Vân